

Bản án số: 29/2019/HS-PT
Ngày 06 - 03 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn
Ông Châu Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 tại huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Ấp H, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Cha là Nguyễn Văn U, sinh năm 1952 và mẹ là Lữ Thị T, sinh năm 1952; Có chồng tên Trần Quốc D, sinh năm 1965; Có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/11/2017 cho đến nay, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Đăng Khoa, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đăng Khoa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Bị hại không kháng cáo:

- 1/ Trần Thị C, sinh năm 1943.
- 2/ Nguyễn Thanh N, sinh năm 1977.
- 3/ Tô Tuyết N, sinh năm 1977.
- 4/ Trịnh Thu N; sinh năm 1945.
- 5/ Huỳnh Thị U, sinh năm 1956.
- 6/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.
- 7/ Lâm Thị H, sinh năm 1965.
- 8/ Trần Hòa K, sinh năm 1963.
- 9/ Nguyễn Cẩm B, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

10/ Trần Ngọc S, sinh năm 1977.

11/ Nguyễn Diệu M, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc S và bà Nguyễn Diệu M: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946.

12/ Lê Văn T, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp Đại Đ, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

13/ Nguyễn Thị X, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã An P, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

14/ Huỳnh Hồng N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Diêm Đ, xã Diên H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2005, bị cáo Nguyễn Thị T bắt đầu làm chủ hội nhằm hưởng hoa hồng. Đến năm 2013, nhiều dây hội có việc hội viên nợ tiền hội nên bị cáo đã lấy tiền hội của các hội viên chưa hết để lấp hội và chi xài trong gia đình nên tiền hội bị thâm hụt ngày càng lớn. Từ việc thâm hụt tiền hội trong các dây hội trước, bị cáo đã nói dối có hội viên cần bán hội nhưng thực tế không có việc bán hội chỉ là bị cáo đưa ra thông tin gian dối để người mua hội tin tưởng giao tiền và bị cáo chiếm đoạt cụ thể từng dây hội như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 24/10/2013 (nhằm ngày 20/9/2013 âm lịch), bị cáo mạo danh hội viên Nguyễn Thị X hốt 02 chung ở kỳ thứ 2 và kỳ thứ 11 với tổng số tiền 40.500.000 đồng; Mạo danh hội viên Nguyễn Thị T hốt 01 chung ở kỳ thứ 9 với số tiền 21.500.000 đồng; Mạo danh hội viên Trương Thị T hốt 01 chung ở kỳ thứ 14 với số tiền 24.000.000 đồng. Số tiền bị cáo thực tế đã nhận là 86.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo có đóng lại phần chênh lệch tiền hội chết đến khi bế hội với số tiền là 14.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 72.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo mạo danh bán 01 chung hội của hội viên Trần Thanh H cho bà Trần Thị C với số tiền 21.700.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này. Như vậy trong dây hội này bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 93.700.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên khai ngày 30/01/2014 (nhằm ngày 30/12/2013 âm lịch), bị cáo mạo danh hội viên Giang Kim P bán 01 chung cho bà Tô Tuyết N với số tiền 23.000.000 đồng. Như vậy, dây hội này bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 23.000.000 đồng.

- Dây hội ngày loại 100.000 đồng, bắt đầu mở hội ngày 04/8/2014 (nhằm ngày 09/7/2014 âm lịch), bị cáo mạo danh các hội viên: Giang Kim P bán 04 chung, Giang Hồng D bán 06 chung, Trần Thanh H bán 04 chung, Chế Văn T bán 02 chung, Trần Chí T bán 02 chung. Bị cáo đến gặp hội viên Trần Thị C

thỏa thuận bán 14 chung hui nói trên với số tiền 119.060.000 đồng; đến gặp hui viên Nguyễn Thanh N thỏa thuận bán 04 chung với số tiền 34.060.000 đồng. Như vậy, trong đây hui này bị cáo đã chiếm đoạt của bà C số tiền 119.060.000 đồng, bà Nguyễn Thanh N số tiền 34.060.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt trong các đây hui là 269.820.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HSST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/12/2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, do bị cáo có tác động gia đình khắc phục số tiền 135.000.000đ cho các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Yêu cầu xem xét cho bị cáo là phụ nữ phạm tội, lý do phạm tội của bị cáo là do các hui viên thiếu nợ bị cáo nhiều, mục đích bị cáo chiếm đoạt tiền là để lấp hui, theo nguyên tắc dân sự thì số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại chưa mất, các bị hại có thể kiện đòi tiền lại trong vụ án dân sự khác, bị cáo tác động gia đình khắc phục được ½ thiệt hại cho các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo, cụ thể xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ. Về nội dung: Sau khi phân tích toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T, xét kháng cáo của bị cáo do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu theo hướng giảm án cho bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T xác định có thực hiện hành vi bán hui không và hốt hui của các hui viên để chiếm đoạt số tiền 269.820.000đồng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người

liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2005, bị cáo bắt đầu làm chủ hội nhằm hưởng hoa hồng. Đến năm 2013, nhiều dây hội có việc hội viên nợ tiền hội nên bị cáo đã lấy tiền hội của các hội viên chưa hết để lấp hội và chi xài trong gia đình nên tiền hội bị thâm hụt ngày càng lớn. Từ việc thâm hụt tiền hội trong các dây hội trước, bị cáo đã nói dối có hội viên cần bán hội nhưng thực tế không có việc bán hội chỉ là bị cáo đưa ra thông tin gian dối để người mua hội tin tưởng giao tiền và bị cáo chiếm đoạt 269.820.000 đồng, cụ thể từng dây hội như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 24/10/2013 (nhằm ngày 20/9/2013 âm lịch), bị cáo mạo danh hội viên Nguyễn Thị X hết 02 chung ở kỳ thứ 2 và kỳ thứ 11 với tổng số tiền 40.500.000 đồng; Mạo danh hội viên Nguyễn Thị T hết 01 chung ở kỳ thứ 9 với số tiền 21.500.000 đồng; Mạo danh hội viên Trương Thị T hết 01 chung ở kỳ thứ 14 với số tiền 24.000.000 đồng. Số tiền bị cáo thực tế đã nhận là 86.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo có đóng lại phần chênh lệch tiền hội chết đến khi bẻ hội với số tiền là 14.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 72.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo mạo danh bán 01 chung hội của hội viên Trần Thanh H cho bà Trần Thị C với số tiền 21.700.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này. Như vậy trong dây hội này bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 93.700.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng, một tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên khai ngày 30/01/2014 (nhằm ngày 30/12/2013 âm lịch), bị cáo mạo danh hội viên Giang Kim P bán 01 chung cho bà Tô Tuyết N với số tiền 23.000.000 đồng. Như vậy, dây hội này bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 23.000.000 đồng.

- Dây hội ngày loại 100.000 đồng, bắt đầu mở hội ngày 04/8/2014 (nhằm ngày 09/7/2014 âm lịch), bị cáo mạo danh các hội viên: Giang Kim P bán 04 chung, Giang Hồng D bán 06 chung, Trần Thanh H bán 04 chung, Chế Văn T bán 02 chung, Trần Chí T bán 02 chung. Bị cáo đến gặp hội viên Trần Thị C thỏa thuận bán 14 chung hội nói trên với số tiền 119.060.000 đồng; đến gặp hội viên Nguyễn Thanh N thỏa thuận bán 04 chung với số tiền 34.060.000 đồng. Như vậy, trong dây hội này bị cáo đã chiếm đoạt của bà C số tiền 119.060.000 đồng, bà Nguyễn Thanh N số tiền 34.060.000 đồng.

[2] Bị cáo T thường đưa tên của những người có uy tín thêm vào trong các dây hội, sau đó bị cáo tự đề hội với số tiền cao hơn số tiền của các hội viên khác nhằm được hết các chung hội không này; ngoài ra, bị cáo bán hội của các hội viên cho người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các hội viên, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như án sơ thẩm quyết định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất an ninh

trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù, khởi điểm của khung hình phạt, đã xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có tác động cho gia đình mà cụ thể là chồng bị cáo nộp khắc phục số tiền 135.000.000đồng cho các bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với án sơ thẩm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do các hui viên có nợ tiền của bị cáo, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, cũng như việc tích cực khắc phục thiệt hại cho các bị hại của bị cáo.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, Luật sư cũng như của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại không kháng cáo nên không đặt ra xem xét, bị cáo nộp 135.000.000đồng khắc phục hậu quả cho các bị hại được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H xem xét đối trừ trong quá trình thi hành án.

[4] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do bị cáo nộp khắc phục hậu quả nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại cho phù hợp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt và án phí dân sự sơ thẩm.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2017.

4. Đối với số tiền bị cáo khắc phục 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*) hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H đang quản lý theo biên lai thu tiền số 004129 ngày 05/3/2019 sẽ được đối trừ nghĩa vụ bồi thường của bị cáo trong quá trình thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 8.314.500đ (*tám triệu ba trăm mười bốn nghìn lẻ năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải nộp.

6. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HSST ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện Đông H (02 bản);
- CQĐT huyện Đông H (01 bản);
- Chi cục THA huyện Đông H (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (14 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

Cao Văn Tám